TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày 07/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Quen;

Ông Trần Văn Nước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Phan Văn L, sinh năm 1992 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: khóm 2, phường 2, thị xã D, tỉnh T; nghề nghiệp tài xế; trình độ học vấn 12/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phan Văn V, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1971; Vợ: Võ Thúy H, sinh năm 2002, con: chưa có; Anh, chị, em ruột: có 03 người kể cả bị cáo, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: không. Ngày 09/7/2020 bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Anh Lê Phi L, sinh năm 1993, nơi cư trú khóm 2, phường 1, thị xã D, tỉnh T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: khóm 2, phường 2, thị xã D, tỉnh T. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 12/5/2020, bị cáo Phan Văn L từ nhà của mình thuộc khóm 2, phường 2, thị xã D điều khiển xe mô tô loại Sirius biển số 84F1-10099 đến tiệm cầm đồ của anh Lê Phi L, thuộc khóm 2, phường 1, D để cầm giấy tờ xe. Khi đến tiệm cầm đồ của anh L thì cửa tiệm đóng nên bị cáo bấm chuông nhưng không có ai ra mở cửa nên bị cáo nhìn vào cửa tiệm thì thấy dưới sàn nhà có sắp tiền mệnh giá 500.000 đồng. Thấy không ai để ý, bị cáo dùng nhánh cây nhỏ nhặt được gần đó, thông qua khe hở dưới cửa bị cáo khều lấy sắp tiền và đếm được 04 tờ, mệnh giá 500.000 đồng là 2.000.000 đồng và bỏ vào túi quần, điều khiển xe chạy thẳng về nhà, Khi đến nhà bị cáo lấy tiền bỏ vào túi áo và treo trong phòng của bị cáo. Sau khi anh L về nhà phát hiện số tiền bị mất nên có xem lại camera thì thấy có người lấy trộm và đến trình báo Công an. Do vợ bị cáo là Võ Thúy H phát hiện qua mạng 01 đoạn clip quay chồng mình đang dùng nhánh cây khều tiền từ trong nhà ra khỏi cửa kính ở sát mặt đất của cửa tiệm cầm đồ anh L nên cùng ngày bị cáo L đến trả 2.000.000 đồng đã lấy trộm cho anh L và trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng: 01 USB được niêm phong (ghi hình bị cáo dùng nhánh cây khều lấy số tiền 2.000.000 đồng) do bị hại cung cấp, 01 nhánh cây có đường kính 0,4cm và chiều dài 80cm và 01 chiếc xe mô tô loại Sirius biển số 84F1-10099.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS-HS ngày 06-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo, Phan Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại Lê Phi L vắng mặt nhưng theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/9/2020 của bị hại, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu. Về trách nhiệm hình sự bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng T trình bày chiếc xe mô tô loại Sirius biển số 84F1-10099 là do bà bỏ tiền ra mua cho bị cáo dùng làm phương tiện đi để lại làm ăn phụ nuôi sống gia đình, bà không biết bị cáo dùng chiếc xe này làm phương tiện đi trộm tài sản của anh L, nay bà yêu cầu được nhận lại chiếc xe.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn L khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã truy tố.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm tội "trộm cắp tài sản"; Xử phạt

bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Trong thời gian thử thách đề nghị giao bị cáo Phan Văn L cho Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã D, tỉnh T giám sát, giáo dục bị cáo; Về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét, giải quyết; Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy nhánh cây có đường kính 0,4cm, chiều dài 80cm; Chiếc xe mô tô loại Sirius biển số 84F1-10099 trả lại cho bà Nguyễn Hồng T, đối với 01 (một) USB (ghi hình bị cáo dùng nhánh cây khều lấy số tiền 2.000.000 đồng) được lưu giữ trong hồ sơ; Về án phí đề nghị buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phan Văn L nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 12/5/2020, bị cáo Phan Văn L từ nhà của mình thuộc khóm 2, phường 2, thị xã D điều khiển xe mô tô loại Sirius biển số 84F1-10099 đến tiệm cầm đồ của anh Lê Phi L, để cầm giấy tờ xe. Khi đến tiệm cầm đồ của anh L thì cửa tiệm đóng nên bị cáo bấm chuông và không có ai ra mở cửa nên bị cáo nhìn vào cửa tiệm thì thấy dưới sàn nhà có sắp tiền mệnh giá 500.000 đồng. Thấy không ai để ý, bị cáo dùng nhánh cây nhỏ nhặt được gần đó, thông qua khe hở dưới cửa bị cáo khều lấy sắp tiền và đếm được 04 tờ mệnh giá 500.000 đồng và bỏ vào túi quần, điều khiển xe chạy thẳng về nhà, khi về đến nhà bị cáo lấy tiền bỏ vào túi áo và treo trong phòng của bị cáo. Số tiền bị cáo trộm được là 2.000.000 đồng đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất vụ án: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình và lo sợ trong quần chúng nhân dân ở địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã thành niên, đang trong độ tuổi lao động trẻ, đáng lẽ bị cáo tích cực lao động để có thu nhập chính đáng tiêu xài cá nhân và phần nào phụ giúp gia đình. Ngược lại để có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động, bị cáo lợi dụng khi chủ sở hữu quản lý tài sản không chặt chẽ, đã chủ động lấy trộm tài sản của bị hại. Từ phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với mức độ hành vi của bị cáo mới có tính giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo trả lại đủ số tiền lấy trộm cho người bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Việc Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho bị cáo là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại đủ số tiền lấy trộm cho bị hại là 2.000.000 đồng và bị hại không có yêu cầu gì thêm.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 USB được niêm phong (ghi hình bị cáo dùng nhánh cây khều lấy số tiền 2.000.000 đồng) do bị hại cung cấp nên USB sẽ được lưu tại hồ sơ vụ án, đối với nhánh cây có đường kính 0,4cm và chiều dài 80cm bị cáo dùng để khều lấy trộm tiền nên được tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc xe mô tô loại Sirius biển số 84F1-10099 do mẹ bị cáo là bà T mua cho bị cáo đứng tên giấy tờ xe để làm phương tiện đi lại và bà T không lỗi trong việc bị cáo dùng phương tiện này đi trộm cắp tài sản, do đó bà T có yêu cầu được nhận lại chiếc xe là phù hợp với quy định của pháp luật, nghỉ nên giao chiếc xe trả lại cho bà T (trong quá trình điều tra, Cơ qua cảnh sát điều tra đã tạm giao chiếc xe cho bị cáo quản lý).

[5] Về tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều là chứng cứ hợp pháp.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố đúng quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải đã truy tố bị cáo Phan Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với vụ án là có căn cứ, hình phạt và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Phan Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn L 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phan Văn L cho Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã D, tỉnh T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu nên không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 201501, tịch thu tiêu hủy nhánh cây có đường kính 0,4cm, chiều dài 80cm, chiếc xe mô tô loại Sirius biển số 84F1-10099 (bị cáo đang tạm quản lý) trả lại cho bà Nguyễn Hồng T, đối với 01 (một) USB (ghi hình bị cáo dùng nhánh cây khều lấy số tiền 2.000.000 đồng) được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Văn L phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Trà Vinh;
- Công an thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thùy Linh